

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 160/2025/DS-ST
Ngày: 31 – 12 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
(tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Phụng.

2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Gia An, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Phan Ngọc Điểm – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST-DS, ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 360/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 266/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành Đ**, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2006.

Địa chỉ: Ấp A, xã G, thành phố Cần Thơ; (có mặt).

- Bị đơn: Bà **Lý Thị Ngọc Y**, sinh ngày 14 tháng 6 năm 1993.

Địa chỉ: Ấp B, xã G, thành phố Cần Thơ; (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Thạch Xà R (Thạch Sà R)**.

Địa chỉ: Ấp B, xã G, thành phố Cần Thơ; (vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông **Huỳnh Chí T**.

Địa chỉ: Ấp S, xã H, thành phố Cần Thơ; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Thành Đ đều trình bày:

Ông Nguyễn Thành Đ có cho bà Lý Thị Ngọc Y vay tiền thông qua người giới thiệu là ông Huỳnh Chí T, cụ thể như sau: Vào ngày 11/4/2025, bà Lý Thị Ngọc Y nói cần tiền làm ăn nên có vay của ông Nguyễn Thành Đ số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng), hai bên thoả thuận lãi suất 0,1% một tháng, đóng lãi hàng tháng. Hợp đồng vay không kỳ hạn, khi nào ông Đ cần vốn thì báo trước cho bà Y 30 ngày và ông Đ đồng ý cho vay.

Sau khi nhận tiền vay của ông Đ, thì bà Y đóng lãi một lần rồi ngưng không đóng nữa, ông đã nhiều lần liên hệ với bà Y yêu cầu bà thực hiện nghĩa vụ nhưng bà Y vẫn không thực hiện. Đến ngày 25/8/2025, ông Đ và bà Y thống nhất phương án trả nợ và lập giấy mượn tiền đến ngày 25/8/2025 bà Y cam kết vào ngày 15 hàng tháng kể từ ngày lập giấy mượn tiền, thì bà Y sẽ trả cho ông Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng tiền gốc, ông Đ không yêu cầu bà Y trả lãi, bắt đầu trả kỳ đầu tiên vào ngày 15/9/2025 cho đến khi trả xong nợ; giấy mượn tiền này do bà Y tự viết. Bà Y đã trả được 1.000.000 đồng tiền vốn thông qua tài khoản của ông Huỳnh Chí T tại Ngân hàng; ông T đã giao lại số tiền này cho ông Đ xong, nên bà Y còn nợ lại là 22.000.000 đồng.

Bà Y có ghi giấy nợ cho ông Đ với 02 tờ giấy tiêu đề: “GIẤY MƯỢN TIỀN” vào ngày 11/4/2025 và “Giấy Mượn Nợ” vào ngày 25/8/2025.

Nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà Y vẫn chưa trả cho ông Đ bất cứ khoản tiền nào, xét thấy bà Y không có thiện chí trả tiền, mặc dù ông Đ đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà Y vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông Đ.

Do bà Y với ông Thạch Xà R là vợ chồng, nên ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Y và ông R phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền gốc còn nợ là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

2. Trong biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/11/2025 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Lý Thị Ngọc Y trình bày:

Bà Y có vay tiền của ông Nguyễn Thành Đ, thông qua ông Huỳnh Chí T. Đến nay bà Y còn nợ nguyên đơn ông Đ số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) là đúng. Cụ thể là vay làm 02 lần:

- Lần thứ nhất: Vay 10.000.000 đồng vào ngày 11/4/2025; thời hạn vay là 10 ngày. Nhưng ông Đ tính trước tiền lãi mà bà phải trả trong 10 ngày này là 3.000.000 đồng và trừ vào số tiền này, nên thực tế bà nhận được 7.000.000 đồng.

- Lần thứ hai: Đến ngày thứ 11 thì bà không có tiền trả và bà vay thêm 13.000.000 đồng. Nhưng ông Đ trừ 3.000.000 đồng trong đó nói là lãi 1.500.000 đồng/tháng đầu tiên và 1.500.000 đồng chi phí thuê người lại lấy tiền nợ nếu bà không trả đúng hạn. Lần vay này không thoả thuận thời hạn trả.

Tổng cộng bà Y phải ghi giấy nợ là 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng) và buộc bà Y ghi lãi là 0,1%/tháng, thực tế thì lãi cao hơn nhiều như bà đã

trình bày. Tuy ghi nhận là vay tiền của ông Đ, nhưng thực tế thì do ông T là người trung gian thực hiện việc giao nhận tiền, cản trừ tiền với bà Y.

Sau khi vay tiền, bà Y trả được 1.000.000 đồng tiền vốn và 7.000.000 đồng tiền lãi. Việc trả tiền lãi làm 02 lần: Lần 1 trả 1.000.000 đồng lãi vào khoảng tháng 7 hay tháng 8 năm 2025 bà không nhớ rõ, lần 2 trả 6.000.000 đồng lãi. Các lần trả tiền bà đều không làm biên nhận, nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền mà bà đã trả lãi.

Bà Y đã ghi 02 giấy tiêu đề: “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 11/4/2025, với nội dung là bà Lý Thị Ngọc Y có mượn tiền của ông Nguyễn Thành Đ là 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng); sau đó bà Y trả được 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) nên ông Đ với bà Y làm giấy tiêu đề: “Giấy Mượn Nợ” vào ngày 25/8/2025 với nội dung là bà Y nợ ông Đ 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Bà Y vay tiền để phục vụ nhu cầu cuộc sống gia đình, trị bệnh cho con ruột và lo chi phí cho cha chồng của bà Y đi nước Thái Lan (Thailand). Thời điểm bà Y vay tiền của ông Đ, thì bà có chồng là ông Thạch Xà R (Thạch Sà R), hiện nay cư trú cùng địa chỉ với bà Y. Bà Y với ông R có đăng ký kết hôn vào khoảng năm 2020 và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Ủy ban nhân dân xã Nhu Gia, thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận kết hôn.

Nay bà Y đồng ý trả nợ, nhưng do bà Y còn nuôi 03 đứa con nhỏ nên không có khả năng trả ngay, nên xin trả dần: Ngày 20/01/2026 sẽ trả 3.000.000 đồng, sau đó thì sẽ trả 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ; xin không trả lãi.

3. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Xà R (Thạch Sà R): Ông R đã được Tòa án tổng Đ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng ông R đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án cũng không lấy lời khai của ông R được.

4. Tại phiên tòa, người làm chứng ông Huỳnh Chí T trình bày: Ông T thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Thành Đ. Ông T chỉ là người giới thiệu cho bà Y là người có nhu cầu vay tiền, còn ông Đ là người cho vay. Còn hợp đồng vay tiền là do ông Đ với bà Y thực hiện, ông T có ký tên vào biên nhận với tư cách là người chứng kiến. Vào khoảng đầu tháng 8 năm 2025 bà Y có gửi tiền 1.000.000 đồng để trả vốn cho ông Đ thông qua tài khoản của ông T tại Ngân hàng, ngay sau đó ông T cũng đã chuyển số tiền này lại cho ông Đ.

5. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, bị đơn và người

làm chứng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Xà R (Thạch Sà R) chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Bị đơn bà Y thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn và nay còn nợ nguyên đơn ông Đ số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng); mục đích vay tiền để phục vụ sinh hoạt gia đình và thời điểm vay thì bà Y với ông Thạch Xà R (Thạch Sà R) là trong thời kỳ hôn nhân theo Trích lục kết hôn số 444/2025/TLKH ngày 25/10/2025 và văn bản số 863/UBND-VP ngày 28/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã Nhu Gia, thành phố Cần Thơ thì bà Y với ông R đã đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Ủy ban nhân dân xã Nhu Gia, thành phố Cần Thơ. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bà Y, ông R phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 22.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Y và ông R trả lại tiền còn nợ như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành Đ yêu cầu bị đơn bà Lý Thị Ngọc Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thạch Xà R (Thạch Sà R) trả nợ tiền vay nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền).

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp B, xã G, thành phố Cần Thơ nên theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thạch Xà R (Thạch Sà R) đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần hợp lệ, nhưng đều vắng mặt không lý do; việc vắng mặt của ông R không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.4] Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng: Tại phiên Tòa, bà Y cho rằng bà vay tiền của ông Đ, nhưng thực tế thì ông T là người trung gian thực hiện việc giao nhận tiền, cản trừ tiền với bà Y; ông Đ, ông T đều thống nhất số tiền mà bà Y vay là của ông Đ; trong “GIẤY MƯỢN TIỀN” vào ngày 11/4/2025 và “Giấy Mượn Nợ” vào ngày 25/8/2025 đều ghi nhận là bà Y vay tiền ông Đ; sau

khi vay, bà Y trả tiền vốn 1.000.000 đồng thông qua tài khoản của ông T tại Ngân hàng và ông T đã giao lại số tiền này cho ông Đ. Như vậy, có cơ sở xác định ông T không liên quan đến số tiền 22.000.000 đồng bà Y còn nợ ông Đ, mà ông T chỉ là người làm chứng trong giao dịch hợp đồng giữa ông Đ với bà Y. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ông Huỳnh Chí T tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bà Y và ông R trả lại tiền vay còn nợ, vấn đề này được xem xét như sau:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất là vào ngày 11/4/2025 bà Lý Thị Ngọc Y vay ông Nguyễn Thành Đ số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng), hai bên có làm giấy tiêu đề “GIẤY MƯỢN TIỀN” cùng ngày 11/4/2025, do bà Y viết, bà Y sẽ trả đủ đến 21/4/2025; sau đó bà Y trả được 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) nên ông Đ với bà Y làm giấy tiêu đề “Giấy Mượn Nợ” vào ngày 25/8/2025, với nội dung: Bà Y có mượn tiền của ông Nguyễn Thành Đ là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng); ông R không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử xác định bà Y còn nợ ông Đ số tiền vốn vay 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) là đúng sự thật.

Ông Đ đã thông báo cho bà Y trả tiền và phát sinh tranh chấp, đến nay bà Y không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Bà Y cho rằng số tiền vay là để dùng phục vụ nhu cầu cuộc sống gia đình. Đồng thời, bà Y cũng như ông R không chứng minh được việc bà Y vay tiền là dùng vào việc riêng; thời điểm vay nợ vào ngày 11/4/2025 thì bà Y và ông R đang là vợ chồng theo Trích lục kết hôn số 444/2025/TLKH ngày 25/10/2025 và văn bản số 863/UBND-VP ngày 28/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã Nhu Gia, thành phố Cần Thơ thì bà Y với ông R đã đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Ủy ban nhân dân xã Nhu Gia, thành phố Cần Thơ; căn cứ theo quy định tại các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), thì vợ chồng cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng và chịu trách nhiệm liên đới của vợ chồng khi thực hiện các giao dịch dân sự của hộ gia đình, thì vợ chồng phải cùng có trách nhiệm chung về quyền lợi và nghĩa vụ. Do đó, có căn cứ xác định nghĩa vụ của bà Y đối với ông Đ thì cần phải buộc ông Thạch Xà R (Thạch Sà R) là chồng của bà Y tại thời điểm giao dịch hợp đồng vay tài sản phải cùng liên đới trả nợ cho ông Đ.

Do đó, có căn cứ xác định nghĩa vụ của bà Y và ông R đối với ông Đ thì cần phải buộc bà Y và ông R cùng liên đới trả nợ cho ông Đ theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc bà Y và ông R cùng trả nợ vay cho ông Đ

[2.3] Việc bà Y cho rằng đã trả tiền lãi, nhưng các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”; bà Y và ông R có nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn, nên ông, bà phải chịu án phí sơ thẩm là: 22.000.000 đồng x 5% = 1.100.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 và 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 280, Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Đ về việc buộc bị đơn bà Lý Thị Ngọc Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Xà R (Thạch Sà R) trả tiền vốn vay.

Buộc bà Lý Thị Ngọc Y và ông Thạch Xà R (Thạch Sà R) liên đới trả cho ông Nguyễn Thành Đ tổng cộng số tiền là: 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) tiền vốn vay.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc bà Lý Thị Ngọc Y và ông Thạch Xà R (Thạch Sà R) phải liên đới chịu án phí sơ thẩm là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng).

3.2. Ông Nguyễn Thành Đ không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005306 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Xà R (Thạch Sà R) vắng mặt thì thời hạn kháng cáo này được tính từ ngày Toà án tổng đạt bản án theo quy định của pháp luật.

5. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh